

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101466968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/3/2004, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ 13 (mười ba) của Sở tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 23/10/2025 về việc cập nhật lại địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 13 (mười ba) ngày 23/10/2025 là: 12.150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Petrolimex Engineering Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PEC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là PLE.

Trụ sở chính của Công ty: Số 149 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Ngọc Quang	Chủ tịch (Từ ngày 16/4/2025) Thành viên (Đến ngày 16/4/2025)
Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16/4/2025)
Ông Lương Quang Hiếu	Thành viên
Ông Vũ Cao Dương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/4/2025)
Ông Hà Dương Thanh	Thành viên
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/9/2025)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lương Quang Hiếu	Giám đốc
Ông Hà Dương Thanh	Phó Giám đốc
Ông Bùi Quý Dương	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/01/2026)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Công ty,



Lương Quang Hiếu
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Số: 131/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex, được lập ngày 10/3/2026, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Tiên

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		66.526.797.987	102.065.345.565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.625.433.872	16.028.935.066
1. Tiền	111		7.610.683.944	16.028.935.066
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.014.749.928	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	4.500.000.000	4.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.137.987.779	74.962.750.019
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	29.677.202.936	60.364.384.407
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.055.605.674	4.238.785.255
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	18.018.599.976	17.114.459.164
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.613.420.807)	(6.754.878.807)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	9.096.997.067	6.573.660.480
1. Hàng tồn kho	141		9.196.484.250	6.673.147.663
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(99.487.183)	(99.487.183)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.166.379.269	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.166.379.269	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220)	200		8.390.688.320	8.900.364.347
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.608.000.000	1.608.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.608.000.000	1.608.000.000
II. Tài sản cố định	220		6.782.688.320	7.292.364.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.182.688.320	3.692.364.347
- Nguyên giá	222		10.971.058.110	10.852.539.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.788.369.790)	(7.160.175.244)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.600.000.000	3.600.000.000
- Nguyên giá	228		3.739.181.700	3.739.181.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(139.181.700)	(139.181.700)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		74.917.486.307	110.965.709.912

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		53.475.685.040	90.069.030.039
I. Nợ ngắn hạn	310		53.475.685.040	90.069.030.039
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	9.653.587.696	35.920.846.084
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	20.191.711.011	13.890.471.760
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.200.703.639	1.746.052.505
4. Phải trả người lao động	314		3.172.403.654	3.512.683.835
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	2.838.447.609	17.930.496.777
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.576.507.467	3.822.859.319
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	8.184.633.866	8.826.352.728
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	1.815.631.387	3.702.223.710
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	87.524.824
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		842.058.711	629.518.497
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		21.441.801.267	20.896.679.873
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	21.441.801.267	20.896.679.873
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.150.000.000	12.150.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.150.000.000	12.150.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.374.889.659	7.374.889.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.916.911.608	1.371.790.214
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.916.911.608	1.371.790.214
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		74.917.486.307	110.965.709.912

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Giám đốc







Phạm Trọng Tĩnh

Vũ Thị Ngọc Thoa

Lương Quang Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	67.187.035.217	175.055.723.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		228.550.508	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		66.958.484.709	175.055.723.554
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	56.779.434.802	166.285.673.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.179.049.907	8.770.050.544
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	246.412.127	445.274.122
7. Chi phí tài chính	22	6.4	110.679.674	92.420.542
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		110.679.674	92.420.542
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	4.196.648.800	3.497.805.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.585.744.608	4.762.881.601
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.532.388.952	862.217.175
11. Thu nhập khác	31	6.6	976.613.544	974.592.949
12. Chi phí khác	32	6.6	4.872.988	10.032.357
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	971.740.556	964.560.592
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.504.129.508	1.826.777.767
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	587.217.900	454.987.553
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.916.911.608	1.371.790.214
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.578	950

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Giám đốc



Phạm Trọng Tĩnh



Vũ Thị Ngọc Thoa



Lương Quang Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.504.129.508	1.826.777.767
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		628.194.546	627.226.217
- Các khoản dự phòng	03		(141.458.000)	13.318.850
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(5.786.965)	(8.415.810)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(240.625.162)	(436.858.312)
- Chi phí lãi vay	06		110.679.674	92.420.542
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.855.133.601	2.114.469.254
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.799.840.971	(47.264.053.517)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.523.336.587)	(2.041.639.974)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(34.987.598.069)	44.979.233.411
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	235.295.958
- Tiền lãi vay đã trả	14		(140.178.834)	(62.921.382)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(489.413.561)	(130.309.266)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.000.000)	(34.632.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.490.552.479)	(2.204.557.516)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(118.518.519)	(1.194.915.953)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	7.950.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		240.625.162	723.104.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		122.106.643	2.978.188.797
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		7.741.231.387	5.682.223.710
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.627.823.710)	(1.980.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.154.250.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.040.842.323)	3.702.223.710
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(7.409.288.159)	4.475.854.991
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.028.935.066	11.544.664.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.786.965	8.415.810
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	8.625.433.872	16.028.935.066

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập



Phạm Trọng Tĩnh

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán



Vũ Thị Ngọc Thoa

Giám đốc




Lương Quang Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Dầu khí Petrolimex trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, được chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1805/2003/QĐ-BTM ngày 24/12/2003 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101466968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/3/2004, thay đổi Đăng ký kinh doanh các lần và lần thứ 13 (mười ba) của Sở tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 23/10/2025 về việc về việc cập nhật lại địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 13 (mười ba) ngày 23/10/2025 là: 12.150.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Petrolimex Engineering Joint Stock Company.

Tên viết tắt: PEC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là PLE.

Trụ sở chính của Công ty: Số 149 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động Công ty tại ngày 31/12/2025 là 76 người (tại ngày 31/12/2024 là 57 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tư vấn khảo sát, thiết kế dự án;

- Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình hóa dầu, hóa chất, kho xăng, dầu, khí hóa lỏng;

- Thi công nhận diện thương hiệu, kinh doanh alumex.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Tư vấn, khảo sát, thiết kế dự án, thi công nhận diện thương hiệu, kinh doanh alumex, kinh doanh sơn và thi công xây dựng.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	Thành phố Hà Nội
Chi nhánh phía Nam - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Petrolimex (TP. Hà Nội)	Thành phố Hồ Chí Minh

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền, một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 04

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao chi tiết như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy vi tính	05 - 08
Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 81, đường 47, Phường Tân Hưng, Hồ Chí Minh	Không trích khấu hao

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là các chi phí bảo hành công trình.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích các quỹ sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, bán hàng và xây lắp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn sản phẩm, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính là Tư vấn, khảo sát, thiết kế dự án và thi công xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	2.013.450.855	1.142.726.642
Tiền gửi ngân hàng	5.597.233.089	14.886.208.424
Các khoản tương đương tiền	1.014.749.928	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng (*)</i>	<i>1.014.749.928</i>	<i>-</i>
Tổng	8.625.433.872	16.028.935.066

(*) Khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 01 tháng với lãi suất 2,5%/năm

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Tổng	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 - 12 tháng với lãi suất từ 4,3% - 6,6%/năm.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	29.677.202.936	60.364.384.407
Công ty xăng dầu Tiền Giang	-	3.103.681.370
Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.935.479.543	2.003.279.543
Công ty TNHH Nhựa Long Vương	3.795.011.280	72.417.600
Các khách hàng khác	23.946.712.113	55.185.005.894
Tổng	29.677.202.936	60.364.384.407
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>6.683.943.101</i>	<i>40.550.808.633</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	2.055.605.674	4.238.785.255
Công ty Cổ phần công nghệ an toàn Việt Nam (VNS)	-	131.250.000
Trung tâm ứng phó sự cố và an toàn hóa chất	298.800.000	298.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Reco	-	652.960.000
Công ty TNHH TV và DV Thành Công Việt Nam	222.000.000	222.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng biển Việt Nam	217.452.950	217.452.950
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Tuấn Linh	-	1.267.379.960
Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại Hương Anh	-	451.314.896
Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Phú Cát	400.000.000	400.000.000
Các khách hàng khác	917.352.724	597.627.449
Tổng	2.055.605.674	4.238.785.255
<i>Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>15.572.544</i>	<i>15.572.544</i>

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	18.018.599.976	-	17.114.459.164	-
Ký cược, ký quỹ	20.880.793	-	75.483.303	-
Tạm ứng	4.338.770.538	-	4.393.636.160	-
Phải thu khác	13.658.948.645	-	12.645.339.701	-
<i>Khoản đặt cọc theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trang An gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh (*)</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>6.658.948.645</i>	<i>-</i>	<i>5.645.339.701</i>	<i>-</i>
Dài hạn	1.608.000.000	-	1.608.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An (**)	1.608.000.000	-	1.608.000.000	-
Tổng	19.626.599.976	-	18.722.459.164	-

(*): Khoản đặt cọc của Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trang An ký ngày 06/5/2017. Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn (tài khoản phong tỏa) tại ngân hàng, toàn bộ số lãi phát sinh sẽ được hoàn trả cho Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An.

(**): Giá trị phân tài sản trên đất do Công ty góp theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/Petrolimex/Trang An ký ngày 06/5/2017 để thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ ở tại số 149 Trường Chinh, Phường Liệt, Hà Nội. Trong trường hợp hợp đồng chấm dứt trước thời hạn (do các bên thỏa thuận; Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An không có văn bản chấp thuận chủ trương; cơ quan nhà nước có văn bản từ chối các bên được hợp tác đầu thực hiện dự án; khu đất và tài sản trên đất bị trưng mua) thì Công ty cổ phần Đô thị và Thương mại Trảng An phải thanh toán chi phí tài chính hoặc xây dựng và hoàn trả diện tích văn phòng cho Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex với điều kiện tương đương.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách Công ty Cổ phần Kho cảng và xây dựng Hàng không Miền Nam	6.933.971.542	(6.483.088.263)	450.883.279	7.009.301.100	(6.624.546.263)	384.754.837
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.177.000.000	(1.177.000.000)	-	1.177.000.000	(1.177.000.000)	-
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ kho ngoại quan Cần Thơ	1.924.178.543	(1.924.178.543)	-	1.924.178.543	(1.924.178.543)	-
Các đối tượng khác	523.883.000	(523.883.000)	-	523.883.000	(523.883.000)	-
- Trả trước cho người bán	3.308.909.999	(2.858.026.720)	450.883.279	3.384.239.557	(2.999.484.720)	384.754.837
Các đối tượng khác	130.332.544	(130.332.544)	-	130.332.544	(130.332.544)	-
Tổng	7.064.304.086	(6.613.420.807)	450.883.279	7.139.633.644	(6.754.878.807)	384.754.837

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.529.145.666	-	5.239.857.999	-
Hàng hóa	2.667.338.584	(99.487.183)	1.433.289.664	(99.487.183)
Tổng	9.196.484.250	(99.487.183)	6.673.147.663	(99.487.183)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2025	4.951.107.300	619.256.163	5.236.976.128	45.200.000	10.852.539.591
Tăng trong năm	-	118.518.519	-	-	118.518.519
Mua trong năm	-	118.518.519	-	-	118.518.519
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	4.951.107.300	737.774.682	5.236.976.128	45.200.000	10.971.058.110
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2025	2.811.286.688	423.164.052	3.916.684.504	9.040.000	7.160.175.244
Tăng trong năm	196.044.288	59.458.662	363.651.596	9.040.000	628.194.546
Khấu hao trong năm	196.044.288	59.458.662	363.651.596	9.040.000	628.194.546
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	3.007.330.976	482.622.714	4.280.336.100	18.080.000	7.788.369.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	2.139.820.612	196.092.111	1.320.291.624	36.160.000	3.692.364.347
Tại 31/12/2025	1.943.776.324	255.151.968	956.640.028	27.120.000	3.182.688.320

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 1.908.556.492 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.104.600.780 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 2.040.089.065 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.179.270.765 VND).

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2025	3.600.000.000	139.181.700	3.739.181.700
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	3.600.000.000	139.181.700	3.739.181.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2025	-	139.181.700	139.181.700
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	-	139.181.700	139.181.700
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2025	3.600.000.000	-	3.600.000.000
Tại 31/12/2025	3.600.000.000	-	3.600.000.000

Quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty đất lâu dài tại số 81, đường 47, Phường Tân Hưng, Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 139.181.700 VND (tại ngày 01/01/2025 là: 139.181.700 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	9.653.587.696	9.653.587.696	35.920.846.084	35.920.846.084
Công ty TNHH TM Gia Phát AD	1.314.072.289	1.314.072.289	7.238.804.029	7.238.804.029
Công ty TNHH TMDV Quảng cáo Vỹ Tâm	1.113.362.928	1.113.362.928	9.970.309.200	9.970.309.200
Công ty Cổ phần Top American Việt Nam	867.538.100	867.538.100	5.263.446.160	5.263.446.160
Các khách hàng khác	6.358.614.379	6.358.614.379	13.448.286.695	13.448.286.695
Tổng	9.653.587.696	9.653.587.696	35.920.846.084	35.920.846.084
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>2.583.886.421</i>	<i>2.583.886.421</i>	<i>2.253.042.442</i>	<i>2.253.042.442</i>

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	20.191.711.011	13.890.471.760
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật PTSC Thanh Hoá	2.357.760.006	-
Công ty cổ phần Tổng kho xăng dầu Phú Hữu	1.593.600.000	1.593.600.000
Các khách hàng khác	16.240.351.005	12.296.871.760
Tổng	20.191.711.011	13.890.471.760
<i>Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>3.488.693.011</i>	<i>1.438.249.306</i>

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	Phải nộp	1.746.052.505	6.397.706.017	5.943.054.883
Thuế giá trị gia tăng	1.400.696.646	2.469.904.184	2.532.018.832	1.338.581.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	324.852.557	587.217.900	489.413.561	422.656.896
Thuế thu nhập cá nhân	20.503.302	1.672.266.854	1.253.305.411	439.464.745
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.663.317.079	1.663.317.079	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	2.838.447.609	17.930.496.777
Chi phí trích trước các công trình	2.838.447.609	17.900.997.617
Chi phí lãi vay	-	29.499.160
Tổng	2.838.447.609	17.930.496.777

5.14 Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	8.184.633.866	8.826.352.728
Kinh phí công đoàn	644.570.870	873.942.405
Công ty cổ phần Thương mại đô thị Trảng An (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần Thương mại đô thị Trảng An (tiền lãi ký quỹ)	2.188.414	2.188.414
Các khoản phải trả khác	537.874.582	950.221.909
Tổng	8.184.633.866	8.826.352.728
<i>Trong đó: phải trả các bên liên quan, (chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>91.786.000</i>	<i>80.394.000</i>

(*): Giá trị Công ty nhận đặt cọc của Công ty Cổ phần Thương mại Đô thị Trảng An để đảm bảo thực hiện dự án Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ ở tại số 149 Trường Chinh, Phường Liệt, Hà Nội.

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		Phát sinh trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có
		khả năng trả nợ				khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.815.631.387	1.815.631.387	7.741.231.387	9.627.823.710	3.702.223.710	3.702.223.710
Ngân hàng TMCP Á Châu (1)	1.815.631.387	1.815.631.387	7.741.231.387	9.627.823.710	3.702.223.710	3.702.223.710
Tổng	1.815.631.387	1.815.631.387	7.741.231.387	9.627.823.710	3.702.223.710	3.702.223.710

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số TNN.DN.5655.220525 ngày 27/05/2025 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex. Hạn mức tín dụng: 34.000.000.000 đồng, trong đó: Hạn mức cho vay: 17.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng khoản vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành các loại bảo lãnh. Thời gian vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp/cầm cố bất động sản tại: 81 Đường số 47 Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Ký quỹ theo quy định của ACB.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	12.150.000.000	7.374.889.659	228.654.978	19.753.544.637
Lãi trong năm trước	-	-	1.371.790.214	1.371.790.214
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(228.654.978)	(228.654.978)
Số dư tại 31/12/2024	12.150.000.000	7.374.889.659	1.371.790.214	20.896.679.873
Số dư tại 01/01/2025	12.150.000.000	7.374.889.659	1.371.790.214	20.896.679.873
Lãi trong năm nay	-	-	1.916.911.608	1.916.911.608
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(217.540.214)	(217.540.214)
Chia cổ tức (*)	-	-	(1.154.250.000)	(1.154.250.000)
Số dư tại 31/12/2025	12.150.000.000	7.374.889.659	1.916.911.608	21.441.801.267

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/PEC-NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2025 của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2024 được phân phối như sau: Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi: 217.540.214 VND và chia cổ tức 1.154.250.000 VND.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	6.196.500.000	6.196.500.000
Các Cổ đông khác	5.953.500.000	5.953.500.000
Tổng	12.150.000.000	12.150.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	12.150.000.000	12.150.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	12.150.000.000	12.150.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.154.250.000	

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.215.000	1.215.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.215.000	1.215.000
Cổ phiếu phổ thông	1.215.000	1.215.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.215.000	1.215.000
Cổ phiếu phổ thông	1.215.000	1.215.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025		01/01/2025	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng	7.110,94	185.647.538	7.110,94	179.860.573
Tổng		185.647.538		179.860.573

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn; thi công biển nhận diện thương hiệu và bán hàng hoá	67.187.035.217	175.055.723.554
Tổng	67.187.035.217	175.055.723.554
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>43.587.168.181</i>	<i>153.754.447.884</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hoạt động tư vấn; thi công biển nhận diện thương hiệu và bán hàng hoá	56.779.434.802	166.285.673.010
Tổng	56.779.434.802	166.285.673.010

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	240.625.162	436.858.312
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	5.786.965	8.415.810
Tổng	246.412.127	445.274.122

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	110.679.674	92.420.542
Tổng	110.679.674	92.420.542

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	4.196.648.800	3.497.805.348
Chi phí môi giới	3.945.286.000	3.311.920.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	251.362.800	185.885.348
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.585.744.608	4.762.881.601
Chi phí nhân viên quản lý	1.333.320.000	1.406.400.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	9.040.000
Thuế phí và lệ phí	1.668.707.399	1.056.732.026
Chi phí dự phòng	(141.458.000)	13.318.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.287.602.791	1.557.125.600
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	437.572.418	720.265.125
Tổng	8.782.393.408	8.260.686.949

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Hỗ trợ vận chuyển, tiếp thị	887.098.769	974.592.869
Thu nhập khác	89.514.775	80
Tổng	976.613.544	974.592.949
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế	4.872.988	10.032.357
Tổng	4.872.988	10.032.357
Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)	971.740.556	964.560.592

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.504.129.508	1.826.777.767
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	431.960.000	448.160.000
Chi phí khấu hao xe ô tô (phần khấu hao vượt 1,6 tỷ)	103.760.000	103.760.000
Thù lao HDQT+BKS không trực tiếp tham gia điều hành	328.200.000	344.400.000
Thu nhập chịu thuế	2.936.089.508	2.274.937.767
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	587.217.900	454.987.553

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.916.911.608	1.371.790.214
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành (*)</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.916.911.608	1.371.790.214
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.215.000	1.215.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.578	950

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 trình bày lại do trong năm 2025 công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 02/PEC-NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi: 217.540.214 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2024. Do đó, việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trừ đi số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 từ 1129 VND/cổ phiếu xuống còn 950 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2024 VND (Trình bày lại)	Năm 2024 VND (Đã trình bày)	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.371.790.214	1.371.790.214	-
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành (*)</i>	(217.540.214)	-	(217.540.214)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.154.250.000	1.371.790.214	(217.540.214)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	1.215.000	1.215.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	950	1.129	(179)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	429.690.760	1.169.117.764
Chi phí nhân công	21.479.693.527	19.564.577.307
Chi phí khấu hao	628.194.546	627.226.217
Chi phí dự phòng	(141.458.000)	13.318.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.099.622.838	109.008.449.786
Chi phí khác bằng tiền	2.355.372.206	11.358.225.098
Tổng	66.851.115.877	141.740.915.022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (PLAND)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (PECO)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (PITCO)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng Công ty mẹ
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác	Lương và thù lao	2.107.670.026	2.273.695.019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
 HĐQT và Ban Giám đốc		1.585.397.298	1.603.462.727
Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16/4/2025)	36.400.000	129.600.000
Ông Phùng Ngọc Quang	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16/4/2025)	112.550.000	-
Ông Lương Quang Hiếu	Thành viên HĐQT	522.000.000	516.000.000
Ông Phùng Ngọc Quang	Giám đốc	-	82.800.000
Ông Hà Dương Thanh	Thành viên HĐQT (Đến ngày 16/4/2025)	416.400.000	414.000.000
Ông Vũ Cao Dương	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	58.650.000	-
Ông Dương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 16/4/2025)	439.397.298	461.062.727
Ban Kiểm soát		342.818.183	431.793.400
Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban	82.800.000	82.800.000
Nguyễn Thành Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/9/2025)	37.800.000	49.200.000
Nguyễn Thị Tuyết Lan	Thành viên	222.218.183	299.793.400
Người được ủy quyền công bố thông tin		179.454.545	238.438.892
Ông Phạm Trọng Tĩnh	Bổ nhiệm ngày 21/11/2023	179.454.545	238.438.892
Tổng		2.107.670.026	2.273.695.019

Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		6.683.943.101	40.550.808.633
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng Tập đoàn	666.250.418	2.281.320.644
Công ty xăng dầu Yên Bái	Cùng Tập đoàn	-	53.151.327
Công ty xăng dầu Bắc Thái	Cùng Tập đoàn	-	49.037.100
Công ty xăng dầu KVI	Cùng Tập đoàn	-	206.112.371
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	Cùng Tập đoàn	414.603.652	289.104.227
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thanh Hóa	Cùng Tập đoàn	446.411.055	333.279.066
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	Cùng Tập đoàn	-	222.134.701
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Sơn Bình	Cùng Tập đoàn	6.658.300	3.038.893.848
Chi nhánh Xăng dầu Hoà Bình	Cùng Tập đoàn	6.383.129	8.321.175
Công ty xăng dầu Thái Bình	Cùng Tập đoàn	1.551.361	1.551.361
Công ty xăng dầu B12	Cùng Tập đoàn	-	796.359.121
Xí nghiệp kho vận XD K130	Cùng Tập đoàn	-	10.841.740
Công ty xăng dầu Tây Ninh	Cùng Tập đoàn	-	997.362.868
Công ty xăng dầu Long An	Cùng Tập đoàn	-	4.198.920.065
Công ty xăng dầu KVII -TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	-	5.771.906.314
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Cùng Tập đoàn	53.524.586	56.186.497
Công ty xăng dầu Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	-	3.103.681.370
Công ty TNHH MTV Petrolimex Vĩnh Long	Cùng Tập đoàn	41.907.517	1.334.202.395
Công ty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng Tập đoàn	21.202.392	87.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Văn phòng Công ty Xăng dầu Trà Vinh	Cùng Tập đoàn	-	15.535.089
XN cơ khí và xây lắp xăng dầu-Công ty Cổ phần Thiết bị xăng dầu Petrolimex	Cùng công ty mẹ	8.185.700	8.185.700
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lai Châu	Cùng Tập đoàn	153.020.215	866.154.075
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	Cùng Tập đoàn	13.082.256	66.303.479
Công ty TNHH MTV Petrolimex Tuyên Quang	Cùng Tập đoàn	5.285.989	2.722.564.290
Văn phòng Công ty Xăng dầu Hà Bắc	Cùng Tập đoàn	-	468.160.286
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	Cùng Tập đoàn	576.997.625	153.595.408
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	Cùng Tập đoàn	134.639.679	148.816.308
Xí nghiệp xăng dầu K133	Cùng Tập đoàn	-	49.989.068
Văn phòng Công ty Xăng dầu KV3	Cùng Tập đoàn	-	171.385.814
Công ty Xăng dầu Vĩnh Phúc	Cùng Tập đoàn	29.736.158	658.809.021
Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh	Cùng Tập đoàn	81.389.964	623.142.550
Văn phòng Công ty Xăng dầu Sơn La	Cùng Tập đoàn	-	2.262.545.151
Văn phòng Công ty Xăng dầu Hải Dương	Cùng Tập đoàn	47.556.894	707.825.180
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hưng Yên	Cùng Tập đoàn	76.215.095	713.620.613
Văn phòng Công ty Xăng dầu Quảng Bình	Cùng Tập đoàn	-	2.475.166.776
Văn phòng công ty Xăng dầu KV5	Cùng Tập đoàn	-	4.907.523.795
Văn phòng công ty Xăng dầu Phú Khánh	Cùng Tập đoàn	-	96.583.883
Văn phòng Công ty Xăng dầu Sông Bé-TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	-	18.123.574
Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	Cùng Tập đoàn	83.194.415	83.194.415
Công ty LD TNHH kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	Cùng Tập đoàn	-	118.800.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ xây dựng Petrolimex	Cùng Tập đoàn	100.641.000	374.917.968
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào Cai	Cùng Tập đoàn	113.658.547	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên	Cùng Tập đoàn	49.037.100	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Cùng Tập đoàn	264.537.378	-
Chi nhánh xăng dầu Hà Nội	Cùng Tập đoàn	13.334.701	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng	Cùng Tập đoàn	270.936.819	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị	Cùng Tập đoàn	355.600.000	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	Cùng Tập đoàn	44.984.969	-
Chi nhánh Petrolimex Ninh Thuận	Cùng Tập đoàn	107.391.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lâm Đồng	Cùng Tập đoàn	1.366.837.654	-
Chi nhánh Petrolimex Đắk Nông	Cùng Tập đoàn	115.941.552	-
Chi nhánh Petrolimex Bình Thuận	Cùng Tập đoàn	173.912.327	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	81.460.062	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	738.965.794	-
Chi nhánh Petrolimex Bình Dương	Cùng Tập đoàn	18.123.574	-
Chi nhánh Petrolimex Kinh Bắc	Cùng Tập đoàn	784.224	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		15.572.544	15.572.544
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Tập đoàn	15.572.544	15.572.544
Phải trả người bán ngắn hạn		2.583.886.421	2.253.042.442
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Tập đoàn	2.546.290.821	2.253.042.442
Công ty CP Thiết bị xăng dầu Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	37.595.600	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.488.693.011	1.438.249.306
Công ty CP Hóa dầu Petrolimex	Cùng Tập đoàn	85.961.530	85.961.530
Công ty xăng dầu Bến Tre	Cùng Tập đoàn	8.557.000	8.557.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	1.076.737.200	932.197.200
Công ty TNHH MTV xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn	180.667.691	180.667.691
Chi nhánh xăng dầu Hà Nam	Cùng Tập đoàn	13.942.000	13.942.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex An Giang	Cùng Tập đoàn	88.898.782	94.607.926
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lai Châu	Cùng Tập đoàn	544.292	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Tuyên Quang	Cùng Tập đoàn	209.000.000	-
Chi nhánh Petrolimex Kinh Bắc	Cùng Tập đoàn	91.442.000	-
Chi nhánh Petrolimex Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	461.192	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Cùng Tập đoàn	281.904.000	-
Tổng kho Petrolimex Nam Hà Nội	Cùng Tập đoàn	55.126.117	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Sơn Bình	Cùng Tập đoàn	294.000.000	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Ninh	Cùng Tập đoàn	648.375.446	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hưng Yên	Cùng Tập đoàn	805.127	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	31.800.000	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	104.752.143	-
Công ty TNHH hóa chất Petrolimex	Cùng Tập đoàn	110.596.890	-
Công Ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex	Cùng Tập đoàn	205.121.601	-
Văn phòng Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Tập đoàn	-	122.315.959
Phải trả khác ngắn hạn		91.786.000	80.394.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	91.786.000	80.394.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng		43.587.168.181	153.754.447.884
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Tập đoàn	1.889.432.100	903.703.704
Công ty Xăng dầu Khu vực II TNHH MTV	Cùng Tập đoàn	-	7.246.079.579
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng Dầu	Cùng Tập đoàn	-	787.343.249
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Cùng Tập đoàn	141.066.715	351.184.934
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	Cùng Tập đoàn	-	876.396.701
Công ty xăng dầu B12	Cùng Tập đoàn	-	729.650.244
Xí nghiệp kho vận Xăng dầu K130	Cùng Tập đoàn	-	128.445.357
Công ty xăng dầu Hà Bắc	Cùng Tập đoàn	-	4.555.333.550
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hưng Yên	Cùng Tập đoàn	1.363.332.636	853.202.321
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	Cùng Tập đoàn	1.488.976.041	5.269.333.249
Xí nghiệp xăng dầu K133	Cùng Tập đoàn	24.907.407	160.853.000
Chi nhánh Petrolimex Hà Nam	Cùng Tập đoàn	565.315.665	81.599.813
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	Cùng Tập đoàn	-	458.845.146
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thanh Hóa	Cùng Tập đoàn	1.046.144.273	726.974.926
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	Cùng Tập đoàn	691.870.429	965.997.887
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng tàu	Cùng Tập đoàn	-	210.836.861
Công ty TNHH MTV Petrolimex Vĩnh Long	Cùng Tập đoàn	122.916.944	28.759.153.380
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bến Tre	Cùng Tập đoàn	155.434.853	5.604.176
Công ty xăng dầu Hà Giang	Cùng Tập đoàn	375.582.475	3.879.997.826
Công ty TNHH MTV Petrolimex Tây Ninh	Cùng Tập đoàn	13.553.681.717	7.027.111.588
Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	Cùng Tập đoàn	-	1.710.963.827
Công ty TNHH MTV Petrolimex An Giang	Cùng Tập đoàn	174.072.347	60.752.163
Công ty xăng dầu Long An	Cùng Tập đoàn	-	16.010.527.716
Công ty CP Nhiên Liệu bay Petrolimex	Cùng Tập đoàn	68.242.955	106.944.444
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	Cùng Tập đoàn	4.361.000	313.148.148
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lai Châu	Cùng Tập đoàn	46.106.690	9.143.805.428
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên	Cùng Tập đoàn	71.820.000	129.189.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Tuyên Quang	Cùng Tập đoàn	1.769.860.444	6.790.027.835
Công ty Xăng dầu Yên Bái	Cùng Tập đoàn	-	88.616.000
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	Cùng Tập đoàn	-	36.261.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	Cùng Tập đoàn	278.177.000	1.155.208.371
Văn phòng Công ty xăng dầu KV1	Cùng Tập đoàn	-	868.441.777
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	Cùng Tập đoàn	1.564.810.960	4.503.190.366
Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	42.800.000	1.845.820.454
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sơn La	Cùng Tập đoàn	994.272.579	3.105.579.481
Công ty Xăng dầu Thái Bình	Cùng Tập đoàn	74.489.000	432.394.694

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEXSố 149 Trường Chinh, Phường Phương Liệt,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Giao dịch	Mối quan hệ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty LD TNHH kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	Cùng Tập đoàn	410.266.667	183.333.333
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ xây dựng Petrolimex	Cùng Tập đoàn	-	1.185.822.193
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cao Bằng	Cùng Tập đoàn	252.343.519	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào Cai	Cùng Tập đoàn	526.184.777	-
Chi nhánh Petrolimex Bắc Lào Cai	Cùng Tập đoàn	2.738.205.621	-
Chi nhánh Petrolimex Kinh Bắc	Cùng Tập đoàn	287.231.185	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.106.539.074	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hải Phòng	Cùng Tập đoàn	489.645.608	-
Xí nghiệp kho vận Xăng dầu K132	Cùng Tập đoàn	202.125.484	-
Công ty TNHH MTV xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Cùng Tập đoàn	975.173.149	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Quảng Trị	Cùng Tập đoàn	598.580.555	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	Cùng Tập đoàn	83.319.416	-
Chi nhánh Petrolimex Ninh Thuận	Cùng Tập đoàn	331.453.704	-
Công ty Xăng dầu Bình Thuận	Cùng Tập đoàn	161.029.932	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	Cùng Tập đoàn	405.786.164	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	Cùng Tập đoàn	655.936.841	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	622.235.409	-
Công Ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex	Cùng Tập đoàn	206.666.667	-
Công ty CP TMDV Cái bè	Cùng Tập đoàn	126.897.977	-
Mua hàng		5.540.938.880	6.494.679.036
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Tập đoàn	5.540.938.880	6.494.679.036

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập



Phạm Trọng Tĩnh

Trưởng phòng
Tài chính Kế toán


Vũ Thị Ngọc Thoa

Giám đốc



Lương Quang Hiếu